

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 12 - 01- 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải
2. Ông Hà Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST - DS ngày 10/10/2022 về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/QĐXX-ST ngày 14/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa;

Nguyên đơn: Ông Trương Văn B 1958 (có mặt)

Nơi cư trú: Phố 2, LX-CN-BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Trương Ngọc B ; Sinh năm 1965 (có mặt).

Và bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1968 (vắng mặt)

Ủy quyền cho ông Trương Ngọc B ; Sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Phố ĐL-BT tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/4/2022 ông Trương Văn B trình bày:

Ngày 13/5/2018 ông Bích có vay của ông B 7.000.000đ lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Thời hạn vay 03 tháng.

Đến ngày 02/10/2018 lại vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng.

Đến hạn ông B không trả gốc. Tiền lãi của 7.000.000đ vay ngày 13/5/2018 đã trả được 8 tháng tiền lãi. Nay khởi kiện yêu cầu tiền lãi là 39 tháng cụ thể $7.000.000đ \times 3\%/tháng \times 39 tháng = 8.190.000đ$

Tiền gốc 10.000.000đ vay ngày 02/10/2018 tính đến 02/5/2022 là 43 tháng mới trả lãi được 03 tháng nay yêu cầu tính lãi là $10.000.000đ \times 2,5\% \times 40 tháng = 10.000.000đ$, đã trả được 10.000.000đ tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi hai khoản nợ yêu cầu ông B và bà H trả là 17.000.000đ gốc và lãi là 8.190.000đ bằng 25.190.000đ

Đến bản tự khai ngày 18/10/2022 ông B yêu cầu bị đơn trả hai khoản gốc là 17.000.000đ và lãi là của hai khoản gốc là 24.720.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 41.720.000đ trừ đi 12.350.000đ (đã trả) còn lại phải trả cho ông B là 29.370.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đến biên bản hòa giải ngày 14/12/2022 nguyên đơn ông B công nhận ngày 31/01/2021 ông B có chốt lãi với ông Trương Ngọc B tổng số tiền lãi ông B nợ ông B là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và ngày 18/5/2021 ông B có chuyển khoản trả cho ông B 10.000.000đ tiền lãi. Sau đó ông B có nhắn tin cho ông B việc ông B còn nợ 10.000.000đ tiền gốc và công nhận nội dung tin nhắn ông B xuất trình tại Tòa án là tin do ông B nhắn cho ông B.

Bị đơn: Ông Trương Ngọc B trình bày: Ông B có vay của ông B 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Giấy vay tiền không ghi lãi nhưng thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Ông B đã trả đủ gốc và lãi của 7.000.000đ cho ông B. Khi trả tiền cho ông Bính tại quán cafe nên ông B không mang theo giấy vay tiền trả lại cho ông B. Sau đó đến ngày 02/10/2018 thì ông B cho ông B và vợ là bà H vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, lãi quá hạn 6%/tháng.

Ông Trương Ngọc B cho rằng khi ông B đi khởi kiện tự viết lãi suất vào giấy vay tiền ngày 13/5/2018 là 3% giấy đã thanh toán xong và giấy vay tiền ngày 02/10/2018 lãi suất là 5% (viết thêm số 2 vào trước số 5% thành 2,5%), mục lãi quá hạn 6%/tháng thì ông Bính sửa lại là 2,8%/tháng.

Cụ thể ông B đã trả cho ông B 11 tháng lãi là 5.500.000đ (đưa trực tiếp và hai bên chốt lãi vào ngày 31/01/2021. Tính từ ngày vay 02/10/2018 đến 02/02/2021 là 28 tháng ông B còn nợ 17 tháng lãi là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 31/01/2021 ông B chốt lãi với ông Bính là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng tiền lãi (BL:38).

Đến ngày 18/5/2021 ông B chuyển khoản cho ông B 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ông B xuất trình tin nhắn chuyển khoản tiền cho ông B và nội dung ông B đã nhắn tin lại cho ông Bính sau khi nhận tiền chuyển khoản “

Tổng gốc và lãi là 20tr, em trả anh 10tr, còn 10tr dù gốc hoặc lãi theo quy định pháp luật vẫn phải chịu lãi.

Tiền lãi chốt đến tháng 01 là 8tr500, từ tháng 01 đến tháng 5 là 4 tháng, tiền lãi của 4 tháng là 2 triệu. Tổng tiền lãi là 10tr500, e trả cho a được 10 triệu tiền lãi, còn tiền gốc anh cho em nợ 1 tháng không lãi rồi trả cho a. Nếu e k trả được thì a tính lãi các tháng tiếp theo. A đã nhận được 10tr của em rồi, xin cảm ơn”

Nay ông ông B yêu cầu Tòa án tính lại lãi theo quy định 20%/năm từ ngày vay 02/10/2018 đến ngày 18/5/2021 ông Bích đã trả đủ gốc và lãi cho ông B và không còn nợ gì nữa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hai khoản tiền gốc là 17.000.000đ

-Khoản nợ gốc 7.000.000đ yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng nhân với 46 tháng chưa trả lãi bằng 5.345.000đ. Khoản nợ gốc 10.000.000đ vay ngày 02/10/2018 thì yêu cầu mức lãi 1,66%/tháng nhân với 49 tháng chưa trả lãi bằng 8.100.000đ. Trừ đi số tiền lãi đã trả là 12.500.000đ. Tổng cả gốc và lãi ông B phải trả là 17.945.000đ (Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ông B thừa nhận khi ông Bích đi khởi kiện tự viết lãi suất vào giấy vay tiền ngày 13/5/2018 là 3% vào giấy vay tiền. Đối với giấy vay tiền ngày 02/10/2018 lãi suất là 5% thì ông B đã viết thêm số 2 vào trước số 5% thành 2,5%, mục lãi quá hạn 6%/tháng thì ông B sửa lại là 2,8%/tháng vì để lãi theo thỏa thuận thì pháp luật không công nhận.

Bị đơn trình bày tại phiên tòa: Ông B cho rằng không còn nợ khoản tiền gốc 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) vay ngày 13/5/2018 vì ông B trả xong ông B mới cho vay khoản mới 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do ông B tin tưởng và sơ suất là khi trả tiền gốc và lãi không bắt ông B xé giấy vay tiền. Nhưng ngày 18/5/2021 sau khi nhận 10.000.000đ chuyển khoản thì ông B có nhấn chốt nợ với ông B tổng tiền gốc chỉ còn 10.000.000đ và chốt lãi của khoản 10.000.000đ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi một tháng.

Đối với khoản nợ gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vay ngày 02/10/2018 lãi suất 5%/tháng. Hai bên đã chốt lãi với nhau bằng giấy chốt lãi và tin nhắn chốt lãi nay đề nghị Tòa án tính lại lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm vì mức lãi ông B lấy là 5%/tháng cao quá so với quy định.

Ngày 31/01/2021 ông B chốt lãi với ông B. Số tiền lãi ông B còn nợ lại là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng tiền lãi (BL38).

Ngày 18/5/2021 ông B chốt nợ bằng tin nhắn: “ Tổng gốc và lãi là 20tr, em trả anh 10tr, còn 10tr dù gốc hoặc lãi theo quy định pháp luật vẫn phải chịu lãi. Tiền lãi chốt đến tháng 01 là 8tr500, từ tháng 01 đến tháng 5 là 4 tháng, tiền lãi của 4 tháng là 2 triệu. Tổng tiền lãi là 10tr500, e trả cho a được 10 triệu tiền

lãi, còn tiền gốc anh cho em nợ 1 tháng không lãi rồi trả cho a. Nếu e k trả được thì a tính lãi các tháng tiếp theo. A đã nhận được 10tr của em rồi, xin cảm ơn”

Ông B đã trả lãi trả tính đến hết tháng 05/2021 gồm 10.000.000đ chuyển khoản ngày 18/5/2021 và lãi 11 tháng trước đó đưa trực tiếp cho ông B là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng tiền lãi ông B trả cho ông B tính đến 18/5/2021 là 15.500.000đ.

Như vậy ông B đề nghị Tòa án tính lại lãi vay của số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ ngày 02/10/2018 đến 18/5/2021 là 31 tháng 15 ngày theo lãi suất là 1,66%/tháng tương đương với 20%/năm.

$10.000.000đ \times 20\%/năm \times 02 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 4.000.000đ$
 $+1.166.000đ + 82.000đ = 5.248.000đ$ (Năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi ông B phải trả cho ông Bính tính đến ngày 18/5/2021 là 10.000.000đ gốc + 5.248.000đ lãi = 15.248.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Nhưng ông B đã trả cho ông Bính tổng số tiền là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy là ông B đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông B. Nay ông B không có trách nhiệm trả cho ông B khoản tiền nào nữa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án căn cứ: Xác định tại giấy chốt lãi ngày 31/01/2021 lãi còn 8.500.000đ và tin nhắn xác nhận nội dung nợ thì tiền gốc ông B nợ ông B tính đến ngày 18/5/2021 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và lãi ông B đã trả cho ông B là 15.500.000đ. Nay ông B đề nghị tính lại lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS là có căn cứ. Đề nghị HĐXX tính lại lãi suất từ theo quy định và không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương Văn B.

Về án phí: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn về số tiền khởi kiện không được chấp nhận. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về nội dung vụ án: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) có có thời hạn và có lãi.

Các đương sự đều thừa nhận ông B vay ông B 7.000.000đ ngày 13/5/2018 thời hạn vay 03 tháng và lần thứ hai ông B và bà H vay của ông B 10.000.000đ vào ngày 02/10/2018, thời hạn vay 12 tháng.

Ngày 31/01/2021 ông B chốt lãi với ông Bích. Số tiền lãi ông B còn nợ lại là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng tiền lãi (BL38)).

Ngày 18/5/2021 ông B chốt nợ bằng tin nhắn: “ Tổng gốc và lãi là 20tr, em trả anh 10tr, còn 10tr dù gốc hoặc lãi theo quy định pháp luật vẫn phải chịu lãi. Tiền lãi chốt đến tháng 01 là 8tr500, từ tháng 01 đến tháng 5 là 4 tháng, tiền lãi của 4 tháng là 2 triệu. Tổng tiền lãi là 10tr500, e trả cho a được 10 triệu tiền lãi, còn tiền gốc anh cho em nợ 1 tháng không lãi rồi trả cho a. Nếu e k trả được thì a tính lãi các tháng tiếp theo. A đã nhận được 10tr của em rồi, xin cảm ơn”.

Nguyên đơn thừa nhận đã sửa phần lãi trong giấy vay tiền.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Như vậy có có cứ xác định số tiền gốc ông B và bà H Nợ ông B tính đến 18/5/2021 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tiền lãi căn cứ vào giấy chốt lãi và tin nhắn chốt nợ giữa các đương sự xác định được lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Và ông Bích đã trả lãi mỗi tháng cho ông B là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Như vậy số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vay từ ngày 02/10/2018 đến 18/5/2021 là 31 tháng 15 ngày theo lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS là 20%/năm.

Theo giấy chốt lãi ngày 31/01/2021 ông B chốt lãi với ông B . Số tiền lãi ông B còn nợ lại là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng tiền lãi (BL38)). Như vậy có cơ sở về việc ông B đã trả lãi cho ông B 11 tháng chỉ còn nợ lại 17 tháng lãi tương đương là 8.500.000đ. Vì từ ngày vay 02/10/2018 đến ngày 31/01/2021 là 28 tháng lãi nhưng giấy chốt nợ đã chốt là nợ lãi 8.500.000đ có nghĩa đã trả được 11 tháng lãi tương đương với 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào tin nhắn ngày 18/5/2021 chốt nợ ông B nhắn cho ông B gốc 10.000.000đ lãi của 4 tháng 2.000.000đ. Như vậy tương đương với lãi suất 5%/tháng.

HĐXX xét thấy có căn cứ chấp yêu cầu của ông Trương Ngọc B về việc tính lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Như vậy khoản tiền gốc 10.000.000đ vay từ ngày 02/10/2018 đến ngày 18/5/2021 được tính lại như sau;

$10.000.000đ \times 20\%/năm \times 02 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 4.000.000đ + 1.166.000đ + 82.000đ = 5.248.000đ$ (Năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi ông B phải trả cho ông Bính tính đến ngày 18/5/2021 là 10.000.000đ gốc + 5.248.000đ lãi = 15.248.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Nhưng ông B đã trả cho ông B tổng số tiền là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy là ông B đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông B. Nay ông B không có trách nhiệm trả cho ông B khoản tiền nào nữa.

Khoản nợ gốc 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) ông B vay ngày 13/5/2018 ông B cho rằng đã trả ông B không công nhận. Nhưng đến giấy chốt lãi ngày 31/01/2021 ông B không nhắc đến lãi của số tiền vay ngày 13/5/2018 và đến tin nhắn chốt nợ ngày 18/5/2021 ông B xác định tổng tiền gốc còn nợ 10.000.000đ. Như vậy HĐXX có căn cứ xác định ông B không còn nợ khoản tiền gốc 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), ông B vay ngày 13/5/2018 của ông B.

Từ những nhận định phân tích trên HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B về khoản tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) ông Bích vay ngày 13/5/2018.

Đối với khoản tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ông Trương Ngọc B và bà Nguyễn Thị H vay của ông Trương Văn B ngày 02/10/2018. Có căn cứ xác định ông Trương Ngọc B đã trả cho ông Trương Văn B tổng là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Trương Ngọc B không yêu cầu ông Trương Văn B trả lại số tiền đã trả thừa là 252.000đ (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí. Nguyên đơn trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí và không phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền khởi kiện không được Toà án chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, Điều 92; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

-Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.1 -Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B khoản tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 13/5/2018 .

2.2-Đối với khoản tiền gốc 10.000.000đ vay từ ngày 02/10/2018 được tính lãi lại như sau.

-Từ ngày vay 02/10/2018 đến ngày 18/5/2021 thời gian tính lãi là 02 năm 7 tháng 15 ngày;

-Với mức lãi suất thỏa thuận chỉ được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

$10.000.000đ \times 20\%/năm \times 02 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 4.000.000đ$
 $+1.166.000đ +82.000đ = 5.248.000đ$ (Năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi ông Trương Ngọc B phải trả cho ông Trương Văn B tính đến ngày 18/5/2021 là 10.000.000đ gốc +5.248.000đ lãi =15.248.000đ (Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

-Có căn cứ xác định ông Trương Ngọc B đã trả cho ông Trương Văn B tổng là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Gồm: Giấy chót nợ tổng tiền lãi tính đến 31/01/2021 còn nợ lãi là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng tương đương với 17 tháng như vậy có căn cứ chấp nhận ông Trương Ngọc B đã trả được 11 tháng lãi tương đương số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 18/5/2021 ông Trương Ngọc B chuyển khoản cho ông Trương Văn B 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ông Trương Ngọc B không yêu cầu ông Trương Văn B trả lại số tiền đã trả thừa là 252.000đ (Hai trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nên HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B nên ông Trương Ngọc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Văn B trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí của số tiền khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Án sơ thẩm có mặt ông Trương Văn B và ông Trương Ngọc B , vắng mặt bà Nguyễn Thị H . Ông Trương Văn B và ông Trương Ngọc B được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;

.....

- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo

Cao Xuân Bằng

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn

Trần Thị Quyên